TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/DS-PT
Ngày: 12-3-2018
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Triển.

Các Thẩm phán:

1. Bà Trần Thị Kim Sang;

2. Bà Võ Thị Hồng Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2017/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2017, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 45/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2018/QĐ-PT ngày 18 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Đình T, sinh năm 1954; cư trú tại: Xã S, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Vi Anh T2, sinh năm 1973; cư trú tại: Xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 16-6-2017); có mặt.

Đồng bị đơn:

- Ông Lê Văn N, sinh năm 1954;
- Anh Lê Trung T3, sinh năm 1981;

Cư trú tại: Xã S, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - anh T3: Ông Lê Văn N, sinh năm 1954; cư trú tại: Xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 03-5-2017); có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị L, sinh năm 1955; cư trú tại: Xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Trần Vi Anh T2, sinh năm 1973; cư trú tại: Xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 18-7-2017); có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1956; cư trú tại: Xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Phan Đình T là nguyên đơn và bà Lê Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30-3-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Vi Anh T2 là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với nhau, nên ông Lê Văn N và con trai là anh Lê Trung T3 đã ký giấy vay tiền của ông T nhiều lần, cụ thể như sau: Lần thứ nhất, ngày 05-11-2014 vay số tiền 150.000.000 đồng; lần thứ hai, ngày 28-4-2015 vay số tiền 450.000.000 đồng; lần thứ ba, ngày 02-02-2016 vay số tiền 720.000.000 đồng. Tổng cộng 03 lần vay số tiền 1.320.000.000 đồng. Số tiền trên ông T đi vay ở Ngân hàng TM, Chi nhánh Tây Ninh và Ngân hàng NN, Chi nhánh Tây Ninh để cho ông N vay lại. Lãi suất thỏa thuận giao cho ông N trực tiếp đến trả tại ngân hàng theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng đã ký. Sau khi ông N vay tiền có đóng tiền lãi cho ngân hàng, nhưng từ ngày 30-9-2016 đến trước ngày 30-3-2017 là 06 tháng ông N không đóng tiền lãi cho ngân hàng nữa, nên ông T phải đóng tiền lãi.

Ngoài ra, ngày 14-12-2015 ông N tiếp tục nhờ ông T vay của ông Nguyễn Văn T4 250.000.000 đồng để ông N trả nợ ngân hàng. Sau khi nhận tiền từ ông T4, ông T đưa lại cho ông N, nhưng ông T là người trực tiếp viết giấy nợ với ông T4 và không yêu cầu ông N viết giấy nợ với ông T.

Tổng cộng ông N vay của ông T số tiền 1.570.000.000 đồng, trong đó có một giấy nợ ký ngày 05-11-2014 số tiền 150.000.000 đồng do ông N và anh T3 cùng ký vay. Ông T yêu cầu ông N, bà Ánh, anh T3 có trách nhiệm trả cho ông số tiền vay 1.570.000.000 đồng, tiền lãi 188.385.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,95%/tháng, tính từ ngày 30-9-2016 cho đến khi xét xử xong vụ án.

Ông Lê Văn N là bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Trung T3 trình bày:

Do quen biết nhau đã lâu và ở cùng địa phương, nên khoảng 06 năm trở lại đây ông và con trai là anh T3 có vay tiền của ông T để làm vốn mua, bán mủ cao su. Nguồn tiền ông T cho ông vay là do vợ, chồng ông T vay ở ngân hàng và thỏa thuận trong thời hạn một năm trả lại tiền vay, còn tiền lãi hàng tháng ông trực tiếp trả cho ngân hàng theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng cho số tiền ông vay lại và trả tiền lãi cho cả khoản tiền vay của ông T sử dụng cho gia đình ông. Khi vay tiền, ông có viết giấy nợ vào sổ của ông T và trong khoảng một năm đó, nếu ông T vay được tiền ở ngân hàng và cho ông vay thì ông tiếp tục viết giấy nợ gồm tiền vay trước cộng với số tiền mới vay thành giấy nợ mới, nhưng không lấy lại giấy nợ cũ. Trong thời hạn một năm ông trả được bao nhiêu thì đến cuối năm

ông tiếp tục viết giấy nợ vào sổ nhận nợ với ông T và cũng không lấy lại giấy nợ cũ hay hủy bỏ.

Từ năm 2014 đến năm 2017, mỗi năm ông chỉ vay của ông T số tiền nhiều lần nhưng khoảng 1.000.000.000 đồng, hết thời hạn vay ông trả lại số tiền trên để ông T trả nợ cho ngân hàng và làm thủ tục vay lại để cho ông vay tiếp. Đầu năm 2017 ông viết một giấy nợ với ông T số tiền 1.000.000.000 đồng do ông T vay tại Ngân hàng TM, Chi nhánh Tây Ninh – Phòng giao dịch thị xã để cho ông vay lại. Sau khi vay số tiền 1.000.000.000 đồng, ông T giao cho ông hợp đồng tín dụng và hai giấy nhận nợ giữa ông T với ngân hàng để ông biết thời gian trả tiền lãi. Tháng 3 năm 2017, ông trả tiền lãi cho Ngân hàng được một kỳ thì ngưng cho đến nay.

Ngoài số tiền nợ 1.000.000.000 đồng, ông còn nhờ ông T vay giùm số tiền 250.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn T4, sau đó ông T bị ông T4 khởi kiện đến Tòa án và ông đã thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu được 30.000.000 đồng.

Ông thừa nhận 03 giấy vay tiền ông T cung cấp cho Tòa án để khởi kiện ông là do ông viết và ký tên vay của ông T, nhưng không phải còn nợ số tiền theo 03 giấy nợ này như ông đã trình bày ở phần trên.

Ông và anh T3 đồng ý trả cho ông T số tiền 1.220.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền 1.570.000.000 đồng; đối với yêu cầu trả tiền lãi ông và anh T3 chỉ đồng ý trả từ ngày 01-4-2017 đến khi giải quyết xong vụ kiện theo mức lãi suất 0,95%/tháng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lê Thị L trình bày: Bà thống nhất với lời khai và yêu cầu của ông T chồng bà đối với vợ, chồng ông N và anh T3, bà không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày: Bà là vợ của ông N, mẹ của anh T3. Vợ chồng bà có vay tiền của ông T để làm vốn mua, bán mủ cao su. Khi vay tiền ông N là người trực tiếp ký nhận nợ với ông T. Nay ông N và anh T3 đồng ý trả cho ông T số tiền nào thì bà đồng ý cùng trả số tiền đó.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 45/2017/DS-ST, ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 298, 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đình T về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị Ngọc A và anh Lê Trung T3 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Đình T và bà Lê Thị L số tiền vay 1.220.000.000 đồng, tiền lãi 56.979.000 đồng, tổng cộng 1.276.979.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Đình T và bà Lê Thị L yêu cầu ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị Ngọc A và anh Lê Trung T3 trả số tiền 481.406.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ của các đương sự theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 04 tháng 10 năm 2017, ông Phan Đình T và bà Lê Thị L có đơn kháng cáo, nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét và giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đình Tài và bà Lê Thị L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng**:** Ông Phan Đình T là nguyên đơn và bà Lê Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cả hai đều ủy quyền cho ông Trần Vi Anh T2 tham gia tố tụng. Ông T và bà L tham gia tố tụng với hai tư cách khác nhau và cùng có đơn kháng cáo. Theo quy định tại Điều 28 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì người kháng cáo phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, do đó ông T và bà L mỗi người phải nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đối với một mình ông T nộp 300.000 đồng (nhưng biên lai do ông T2 trực tiếp đi nộp lại ghi tên hai người là ông T và bà L cùng nộp 300.000 đồng) là không đầy đủ, cần rút kinh nghiệm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phan Đình T và bà Lê Thị L:

[2.1] Giữa ông Phan Đình T và ông Lê Văn N, anh Lê Trung T3 có thực hiện hợp đồng vay tài sản, việc cho vay tài sản này diễn ra trong thời gian dài với nhiều khoản vay khác nhau. Ông T và ông N đều thừa nhận nguồn tiền mà ông T có để cho ông N vay là từ việc ông T, bà L vay tại Ngân hàng cho ông N vay lại. Ông N là người có nghĩa vụ đóng lãi cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng mà ông T đã ký.

[2.2] Tại Biên bản lời khai ngày 13 tháng 7 năm 2017 (BL 176) ông Phan Đình T thừa nhận nội dung như sau: Khi ông vay tiền ở ngân hàng bao nhiêu tiền về ông đưa lại hết cho ông N số tiền vay được và tiền lãi do ông N trực tiếp đóng cho ngân hàng.

[2.3] Tuy ông N có thừa nhận chính ông là người viết và ký tên vào 3 giấy nợ vay của ông T tổng cộng là 1.320.000.000 đồng nhưng xét các lý lẽ và chứng cứ có liên quan do ông T xuất trình không phù hợp với thực tế khách quan của vụ án. Bởi lẽ, theo giấy nợ ngày 05-11-2014, ông N vay của ông T 150.000.000 đồng, theo mức lãi suất ngân hàng 9,5%/năm, như vậy hàng tháng ông N phải đóng tiền lãi là 1.500.000 đồng. Tuy nhiên, qua kiểm tra các giấy nộp tiền lãi trong năm 2014, thể hiện số tiền đóng thấp nhất là 6.533.300 đồng, số tiền đóng cao nhất là 14.437.000 đồng là không phù hợp. Ông T cho rằng ông N ngưng đóng tiền lãi cho Ngân hàng từ ngày 30-9-2016 nhưng ông N đã xuất trình cho Tòa án giấy nộp tiền lãi cho Ngân hàng vào ngày 08-02-2017, số tiền 7.915.778 đồng và giấy nộp tiền lãi cho Ngân hàng vào ngày 27-3-2017, số tiền 6.466.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 9,5%/năm đối với số tiền 1.000.000.000 đồng. Bên cạnh đó, ông N còn cung cấp cho Tòa án Hợp đồng tín dụng đề ngày 02-3-2017 và hai giấy nhận nợ của ông T với Ngân hàng TM, Chi nhánh Tây Ninh – Phòng giao dịch thị xã số tiền vay 1.000.000.000 đồng. Do đó, chứng cứ của ông N xuất trình là phù hợp, có giá trị chứng minh theo quy định tại Điều 108 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với khoản tiền vay 220.000.000 đồng, tại Biên bản hòa giải ngày 25-4-2017 (bút lục 150) ông N đã thừa nhận nên không xem xét lại. Như vậy, tổng cộng số tiền gốc ông N còn nợ ông T là 1.220.000.000 đồng như bản án sơ thẩm đã xác định là chính xác.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Đình T và bà Lê Thị L; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo của ông Phan Đình T, bà Lê Thị L không được chấp nhận, cho nên ông T, bà L phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 298, 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 26; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Đình T và bà Lê Thị L.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 45/2017/DS-ST ngày 20-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đình T về "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản" đối với ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị Ngọc A và anh Lê Trung T3.

4. Buộc ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị Ngọc A và anh Lê Trung T3 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Đình T và bà Lê Thị L số tiền vay 1.220.000.000 đồng, tiền lãi 56.979.000 đồng, tổng cộng 1.276.979.000 (một tỷ, hai trăm bảy mươi sáu triệu, chín trăm bảy mươi chín nghìn) đồng.

5. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Đình T và bà Lê Thị L yêu cầu ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị Ngọc A và anh Lê Trung T3 trả số tiền 481.406.000 (bốn trăm tám mươi mốt triệu, bốn trăm lẻ sáu nghìn) đồng.

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị Ngọc A và anh Lê Trung T3 phải chịu 50.309.000 (năm mươi triệu, ba trăm lẻ chín nghìn) đồng.

+ Ông Phan Đình T và bà Lê Thị L cùng phải chịu 23.256.000 (hai mươi ba triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn) đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 32.375.500 (ba mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm) đồng theo Biên lai thu số: 0024121, ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; hoàn trả cho ông Phan Đình T số tiền 9.119.500 (chín triệu, một trăm mười chín nghìn, năm trăm) đồng.

8. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phan Đình T và bà Lê Thị L mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số: 0024692, ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu; ông Phan Đình T và bà Lê Thị L còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND.TTN;
- TANDH. Tân Châu;
- Chi cục THADSH. Tân Châu;
- Phòng KTNV. TAT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Mai Văn Triến